

Thâm canh trong sản xuất màu

NGUYỄN CÔNG TẬN

SẢN xuất màu ở nước ta có lịch sử lâu đời, song phát triển chậm và không vững chắc, chưa thoát khỏi tình trạng sản xuất nhỏ quảng canh, tự cấp tự túc. Muốn đưa sản xuất màu ở nước ta phát triển theo hướng sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, phải giải quyết đồng bộ hàng loạt vấn đề về nhận thức tư tưởng, về kỹ thuật, về tổ chức quản lý.

Nhận thức tư tưởng về vị trí của màu, tuy gần đây có chuyển biến song chưa đều, chưa toàn diện. Một số nơi vẫn còn cho rằng việc phát triển màu là do mất mùa lúa, hoặc trong lúc sản xuất lúa chưa có điều kiện giải quyết đủ yêu cầu lương thực. Kết quả là, màu được đối xử như loại cây lương thực tạm bợ, chưa có thể đứng ổn định, vững chắc và lâu dài.

Về mặt khoa học kỹ thuật, nhiều biện pháp thâm canh tối thiểu chưa được áp dụng rộng rãi. Trong khi phong trào thâm canh lúa được phát triển khá mạnh mẽ, rộng khắp, có nhiều điển hình tiên tiến trên diện tích rộng, thì trong sản xuất màu, sự chuyển biến mới được biểu hiện rõ nét về mặt mở thêm diện tích, ít có những điển hình tiên tiến về mặt thâm canh. Ở nhiều nơi, việc mở thêm đất trồng màu dựa vào phát hoang sơ sài, rồi đốt dọn, sau đó «chọc lỗ, bỏ hạt, đặt hom», đất không được cày bừa, trồng không được bón phân, nhiều khi bỏ mặc không làm cỏ v.v., do đó năng suất thấp; thậm chí ở nhiều nơi có trồng nhưng không có thu hoạch, hoặc thu hoạch được chút ít, không tương xứng với công sức bỏ ra. Đất trồng màu bị xói mòn, bạc màu, thoái hóa dần. Trong các cây màu, thì cây

sắn lại là cây ít được thâm canh nhất. Trồng sắn theo kiểu quảng canh như vậy thì chỉ sau một năm trồng, 1 ha sắn bị xói mòn trôi mất 150 — 250 tấn đất màu, tính ra mất hàng trăm kg đạm, lân, kali.

Hiện nay, màu đang được phát triển mạnh về diện tích ở trung du, miền núi, là nơi ít lao động, kỹ thuật thâm canh chưa cao, cơ sở vật chất — kỹ thuật đang còn khó khăn; đất trồng màu là đất dốc, mùa trồng màu lại trùng vào mùa mưa, thì hậu quả của tệ hại quảng canh sẽ còn nặng nề hơn nữa. Điều đáng lưu ý là, Đảng và Nhà nước ta đang đẩy mạnh cuộc vận động định canh, định cư ở miền núi. Nếu tình trạng quảng canh ở miền núi cứ dễ tiếp diễn, thì cuộc vận động định canh, định cư cũng sẽ gặp nhiều khó khăn.

Việc tổ chức chỉ đạo thâm canh màu cũng chưa được chú ý đúng mức: từ việc nghiên cứu thực nghiệm khoa học, đầu tư, quản lý kỹ thuật, chỉ đạo sản xuất màu và nhiều vấn đề chính sách chuyển biến chưa kịp yêu cầu nhiệm vụ. Chúng ta đòi hỏi sản xuất màu phải nâng lên trên 30% sản lượng lương thực; nhưng công sức của các ngành, các cấp bỏ ra còn thấp xa tỷ lệ đó.

Vì vậy, việc chuyển hướng cơ bản về chỉ đạo sản xuất màu, trước hết là bên cạnh việc cố gắng mở thêm diện tích, thì đồng thời phải chặn đứng tệ hại quảng canh, đưa sản xuất màu đi vào thâm canh. Chỉ đạo theo hướng đó, chắc chắn rằng sản xuất màu sẽ có bước tiến vượt bậc.

Phát huy cao độ tiềm năng đất đai nông nghiệp

ĐOÀN TRIỆU NHẬN

THEO tài liệu của Ban Biên tập bản đồ Đất Việt Nam thì trong tổng số 32 triệu hecta đất đai của cả nước, có tới 3317840 ha là đất thuộc nhóm đất phù sa, chiếm tới 10% tổng diện tích đất đai. Trong số đó, riêng đất phù sa hệ thống sông Hồng có 118600 ha, đất phù sa hệ thống sông Cửu Long có 1589464 ha, còn trên 1 triệu hecta thuộc hệ thống các sông khác. Đây là diện tích đất có độ phì nhiêu khá cao, với các mức độ khác nhau, có tiềm năng sản xuất lớn, cần được thâm canh cao độ để xây dựng các vùng chuyên canh lúa có năng suất cao, tổng sản lượng lớn.

Trong loại hình sinh thái vùng đất thấp có nước tưới, một nhóm đáng chú ý nữa về mặt diện tích và tiềm năng sản xuất là đất phèn: Tổng diện tích đất phèn cả nước 1439032 ha trong đó có 1097477 ha thuộc loại đất phèn trung bình và ít, là loại đất có khả năng khai thác thuận lợi hơn, phải đầu tư cải tạo ít hơn. Việc cải tạo sử dụng đất phèn lúc này là một nhiệm vụ quan trọng cần thiết để mở rộng diện tích trồng lúa nước, nâng cao tổng sản lượng lương thực.

Bên cạnh đất phèn, đất mặn cũng chiếm một diện tích khá lớn ở ven biển, tới 11550169 ha và cần được cải tạo sử dụng. Nhiều vùng đất mặn qua khai phá trồng cây, trồng lúa cũng cho hiệu quả kinh tế cao.

Ở những thềm phù sa cũ, tiếp giáp giữa vùng đồng bằng phù sa và vùng đồi gò bán sơn địa có một diện tích đất xám bạc màu khá lớn. Nếu kể cả một số diện tích tẻ tẻ đất xám bạc màu trên sản phẩm phong hóa của đá macma axit và đá cát thì diện tích này lên tới 3.442243 ha. Đây là loại đất có tiềm năng sản xuất khá. Ở vùng đất thấp có nguồn nước tưới có thể cải tạo trồng lúa

cho năng suất cao. Ở vùng có địa hình cao, thoát nước, có thể trồng ngô sắn đỗ tương, chò, mía, cao su... cũng cho hiệu quả kinh tế đáng kể.

Trên loại hình sinh thái của vùng đồi núi nước ta, hầu hết là đất thuộc nhóm đất đỏ vàng. Nhóm đất đỏ vàng (đất feralit) chiếm tới 15654894 ha tức là gần 50% tổng số diện tích đất đai của cả nước. Nhóm đất này với nhiều loại đất khác nhau như đất đỏ vàng trên macma axit (granit, liparit...), đất nâu đỏ trên macma Base và trung tính (bazan, diabaze...) phân bố thành từng vùng tập trung lớn ở độ cao khoảng từ 50—900m hoặc 1000m trên mặt biển. Đi vào khai thác đất đỏ vàng với các biện pháp kỹ thuật canh tác thích hợp, giải quyết các vấn đề then chốt như: giữ ẩm trong mùa khô, nâng cao hàm lượng và cải thiện chất lượng mùn trong đất, bổ sung các chất dinh dưỡng, các nguyên tố kiềm và kiềm thổ, chống xói mòn và rửa trôi màu đất, chắc chắn chúng ta sẽ phát huy được tiềm năng to lớn của vùng đất rộng bao la này.

Xuất phát từ hai đặc điểm cơ bản và tình hình phân bố đất đai như đã nêu trên, chúng tôi đề nghị có kế hoạch đưa nhanh các tiến bộ khoa học — kỹ thuật về đất trồng vào sản xuất với các nội dung sau đây:

— Hoàn thành nhanh công tác phân vùng — quy hoạch sản xuất, làm tốt việc xây dựng đồng ruộng, dời nương tạo cơ sở bảo vệ và thâm canh bồi dưỡng màu đất, là hết sức cần thiết.

— Đẩy mạnh phong trào thâm canh tăng vụ trên toàn bộ diện tích.

— Đưa vấn đề cải tạo đất thành một phong trào quần chúng rộng rãi.

— Mở rộng diện tích canh tác.

Mấy trọng tâm công tác nghiên cứu trong chăn nuôi trâu bò

NGUYỄN VĂN THƯỜNG

PHÁT triển chăn nuôi lợn và gia cầm là để có thịt và trứng, còn muốn có sữa, ở nước ta, ngoài nuôi bò phải lưu ý cả nuôi trâu, vì con trâu là ưu thế nhiệt đới của nước ta.

Trong kế hoạch 1976 - 1980, ngành nông nghiệp nêu mục tiêu phấn đấu đưa đàn bò từ 1690000 con năm 1978, lên đạt 2000000 con năm 1980; đưa đàn trâu từ 2294000 con năm 1978, lên đạt 2630000 con năm 1980 (trong đó phải có 30000 bò sữa 10900 trâu sữa, với 9000 cái vắt sữa, để có được 9000 tấn sữa bình quân, mỗi cái vắt sữa được 1 tấn sữa hàng hóa/năm).

Để thực hiện được những chỉ tiêu trên, công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật về chăn nuôi trâu bò của ta hiện nay cần tập trung vào trọng tâm sau đây:

1) *Tăng nhanh số lượng đầu con*, bằng các biện pháp tăng năng suất sinh sản, đưa tỷ lệ đẻ của đàn bò từ 42% lên trên 60%; của đàn trâu từ 33% lên trên 50%, để đến năm 1980, mỗi năm đàn bò tăng khoảng 5-6%, đàn trâu tăng khoảng 3-4% nhằm đảm bảo sức kéo cho các vùng trọng điểm lúa và màu, nhất là các tỉnh đồng bằng sông Hồng và sông Cửu Long.

2. *Nâng cao chất lượng giống* bằng cách nâng cao tầm vóc và trọng lượng giống trâu bò nội, chọn lọc những trâu bò tốt, xây dựng đàn trâu bò nền cho lai kinh tế với đực giống trâu bò ngoại, tạo thành đàn trâu bò F₁ lấy sữa, thịt, và dần từng bước, chuyển giống trâu bò của ta thành giống trâu bò sữa—thịt trong tương lai của cả nước.

Muốn thực hiện được 2 trọng tâm trên, chúng ta cần tổng kết và nhanh chóng đưa

những tiến bộ khoa học—kỹ thuật về chăn nuôi trâu bò vào thực tế sản xuất.

Trong toàn bộ những tiến bộ khoa học—kỹ thuật cần được đưa vào thực tế sản xuất, nhằm đẩy mạnh phát triển chăn nuôi trâu bò thì một vấn đề hết sức cấp bách là vấn đề *nâng cao tầm vóc trọng lượng và tính năng sản xuất của đàn bò nước ta bằng chủ trương "Sinh hóa" đàn bò vàng Việt Nam*. Chúng tôi nghĩ rằng trong thời gian tới, phải thực hiện cho kỳ được chủ trương này. Muốn vậy, phải có chủ trương sản xuất đủ đực giống lai Sind, mua theo giá giống cho các cơ sở sản xuất, bán theo giá hạ cho các hợp tác xã; các hợp tác xã cũng cần có chế độ công điểm thỏa đáng cho các gia đình xã viên nuôi đực giống và cho các gia đình có bò cái được phân giống, thì mới khuyến khích được chăn nuôi sinh sản và cải tạo được giống bò của ta trong thời gian ngắn, đưa trọng lượng bình quân toàn đàn lợn đạt trên 200kg.

Đồng thời, chú ý xây dựng những vùng *tập trung chăn nuôi trâu bò sữa ngoại*, gây tạo nhanh đàn trâu bò F₁ lấy sữa ở những vùng trọng điểm, đặc biệt lưu ý giải quyết thức ăn, dành đất trồng cỏ cho trâu bò, coi trồng cỏ cho trâu bò như cấy lúa; xây dựng cơ cấu thức ăn, đảm bảo đầy đủ thức ăn xanh thô quanh năm; đặc biệt chú ý giải quyết thức ăn mùa đông cho trâu bò.

Được như vậy, chúng ta có thể vững tin trong vòng 3-4 kế hoạch 5 năm, chúng ta sẽ tạo được những giống trâu bò sữa—thịt, và công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật về phát triển chăn nuôi trâu bò sẽ đạt nhiều thành tựu mới, góp phần xây dựng nền nông nghiệp nhiệt đới Việt Nam, góp phần vào sự nghiệp xây dựng cơ sở vật chất và kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội trong cả nước.

Đưa nhanh tiến bộ khoa học — kỹ thuật vào sản xuất ở vùng đồng bằng sông Cửu Long

VÕ TÔNG XUÂN

THEO chúng tôi có 3 tiến bộ khoa học kỹ thuật sau đây cần được tập trung chỉ đạo để đưa nhanh vào thực tế sản xuất ở vùng đồng bằng sông Cửu Long:

1 — Xây dựng các tổ đường nước và tổ cây nước. Đây chính là những hệ thống tiêu hoặc trung thủy nông, phục vụ 200 — 500 héc-ta trong khi vẫn tiến hành công tác đại thủy nông để sau này gắn liền các hệ thống tiêu thủy nông vào nhau. Như trên đã trình bày, từ một sự thay đổi về sử dụng nước tưới sẽ kéo theo lối làm ăn tập thể và nâng cao ý thức nghĩa vụ của người nông dân mới.

2 — Sử dụng phân lân và apatit. Đối với đồng ruộng đồng bằng sông Cửu Long, chất lân đã được xác định là một chất dinh dưỡng quan trọng, tương đương chất đạm. Kết quả nghiên cứu của Trường đại học Cần Thơ đã được chứng minh bằng thực tế sản xuất tại các tỉnh phía Nam: phân lân hoặc apatit, bón cân đối với phân đạm, sẽ cho năng suất lúa trên 4 tấn/ha/1 vụ. Nếu chỉ dùng đơn thuần phân đạm thì năng suất lúa ngày càng giảm, thấp hơn trường hợp không bón phân gì cả. Đối với chúng tôi, những người chuyên làm về cây lúa, thì ý nghĩa của việc thống nhất đất nước trong đó có việc đưa lân và apatit miền Bắc vào để tăng sản lượng lúa của miền Nam.

3 — Nhanh chóng nhân các giống lúa đã được công nhận.

Theo tổng kết mới nhất của các nước trồng lúa trên thế giới, vấn đề sâu bệnh được xếp hàng đầu trong các yếu tố làm giảm năng suất lúa. Kinh nghiệm mấy năm vừa qua tại đồng bằng sông Cửu Long cũng đã chứng minh điều đó. Hiện nay chúng ta chưa kiểm soát được thời vụ, trong khi phong trào tăng vụ đang được mở rộng khắp nơi, sâu bệnh hại lúa nhờ đó luôn luôn có nơi phát triển khiến ta không thể nào cung ứng đủ thuốc để ngăn

chặn chúng. Các giống lúa sẽ ngày càng giảm đi sức chống chịu sâu bệnh, trong khi việc sử dụng thuốc trừ sâu đòi hỏi nhiều ngoại tệ và đe dọa môi sinh. An toàn nhất và kinh tế nhất là dùng giống kháng sâu bệnh. Vừa qua, rầy nâu đã trở lên một dịch hại đáng kể ở các tỉnh phía Nam, nhưng ta đã kịp thời xác định giống lúa kháng rầy NN3A và NN5A mà Bộ Nông nghiệp đang cho khu vực hóa. Đến nay Trường đại học Cần Thơ đã xác định thêm gần 90 giống và dòng lúa kháng rầy nâu. Một số giống có năng suất cao nhất trong số 90 giống và dòng này đang được cho thí nghiệm thêm tại 9 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, trong vụ hè thu 1978 này.

Ngoài các lúa giống này, chúng tôi cũng đang thử khả năng của những giống chịu được điều kiện sinh thái khác nhau, như lúa chịu nước trời (dùng để sạ ở những nơi chưa có nước tưới trong vụ hè thu), lúa chịu mặn, lúa chịu phèn, và lúa chịu nước sâu.

Những thành tựu khoa học kỹ thuật mới được xác định hoặc đã xác định, thích nghi với địa phương rồi, cần được đưa nhanh vào sản xuất. Người nông dân miền Nam có ưu điểm là rất nhạy tiếp thu cái mới nếu họ thấy tận mắt. Chúng ta biết rõ giá trị của phân chuồng nhưng đến nay phong trào dùng phân chuồng còn rất hạn chế vì ta chưa có biện pháp thuyết phục cụ thể. Chúng tôi tin tưởng họ sẽ chấp nhận kỹ thuật dùng phân hữu cơ nhất là phân chuồng, nếu được chứng minh bằng những điển hình đúng quy trình, quy cách, từ việc xây chuồng heo, nuôi heo, xây hố ủ phân, đến phương pháp ủ và bón phân trên ruộng. Do đó, mặc dù có động viên, tuyên truyền khoa học kỹ thuật trên đài truyền hình, truyền thanh và báo chí, chúng ta vẫn phải tổ chức nhiều thí điểm trình diễn cho nông dân.